

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK giảm điểm trước thông tin OECD dự báo kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng ở mức 5.6%, thấp hơn so với mức dự báo 5.7% được đưa ra trước đó do lo ngại về sự xuất hiện biến thể Omicron và nguy cơ có các biến thể nguy hiểm hơn nữa

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

MSN, DRC

[Vĩ mô/Chiến lược]

Lạm phát tháng 11/2021

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị có thể kê lệnh mua trở lại 1 phần vị thế trading khi VNIIndex về lại vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng ưu tiên cho các cổ phiếu sẵn có trong danh mục

03/12/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,443.32	-2.61
VN30	1,503.98	-2.39
HĐTL VN30F1M	1,509.00	-2.01
HNXIndex	449.27	-1.96
HNX30	740.91	-2.81
UPCoM	112.11	-2.13
USD/VND	22,784	+0.27
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.09	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.59	+5
Dầu (WTI, \$)	68.38	+2.83
Vàng (LME, \$)	1,768.45	-0.02



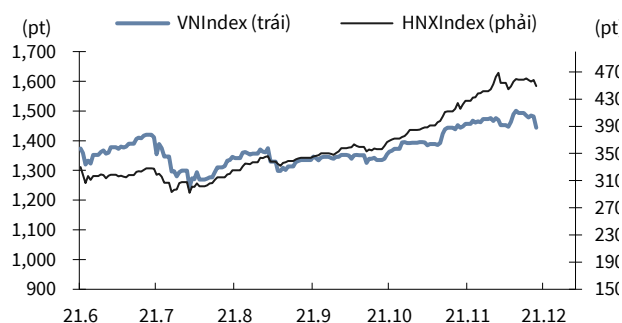
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,443.32 (-2.61%)
KLGD (triệu CP)	1,096.3 (+52.5%)
GTGD (triệu US\$)	1,442.4 (+42.5%)
HNXIndex	449.27 (-1.96%)
KLGD (triệu CP)	159.1 (+19.3%)
GTGD (triệu US\$)	175.4 (+29.9%)
UPCoM	112.11 (-2.13%)
KLGD (triệu CP)	203.2 (+97.7%)
GTGD (triệu US\$)	115.3 (+33.5%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -17.7

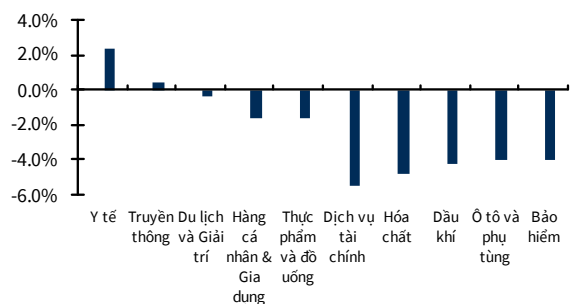
TTCK giảm điểm trước thông tin OECD dự báo kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng ở mức 5.6%, thấp hơn so với mức dự báo 5.7% được đưa ra trước đó do lo ngại về sự xuất hiện biến thể Omicron và nguy cơ có các biến thể nguy hiểm hơn nữa. Cổ phiếu dầu khí giảm điểm PVD (-6.1%), PVS (-2.7%) sau khi OPEC+ đã nhất trí tiếp tục kế hoạch tăng sản lượng dầu hằng tháng thêm 400,000 thùng/ngày. Thứ trưởng Bộ GTVT cho biết cần đàm phán lại việc mở đường bay quốc tế vì biến chủng Omicron khiến cổ phiếu hàng không giảm giá ở HVN (-0.4%), ACV (-0.2%). Nhiều nhà sản xuất ô tô cho biết tình hình thiếu hụt chất bán dẫn tiếp tục khiến sản lượng xe giảm, trong đó khu vực Ấn Độ chỉ đạt 89-85% bình thường khiến cổ phiếu cao su giảm giá GVR (-5.6%), DRC (-4.5%). Khối ngoại bán ròng ở DXG (-3.4%), VRE (-5.2%), NLG (-1.1%).

VNIndex & HNXIndex



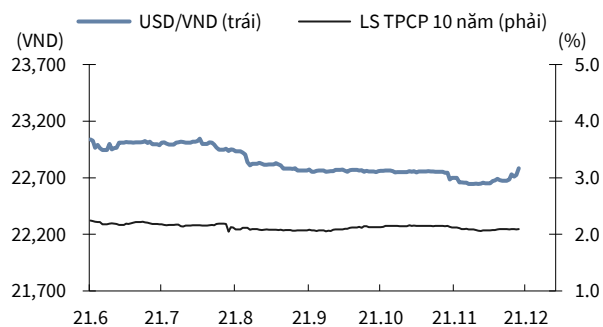
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

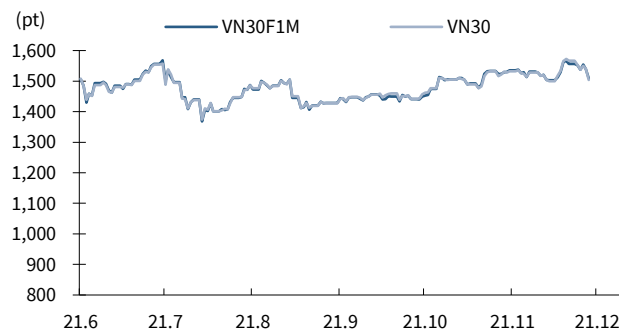
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,503.98 (-2.39%)
VN30F1M	1,509.0 (-2.01%)
Mở cửa	1,545.0
Cao nhất	1,547.9
Thấp nhất	1,509.0

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2112 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức -4.42 điểm sau đó biến động giằng co trong biên độ -6.62 và 5.93 điểm cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư, và đóng cửa ở mức -5.02 điểm. Khối ngoại mua ròng với thanh khoản thị trường tăng mạnh.

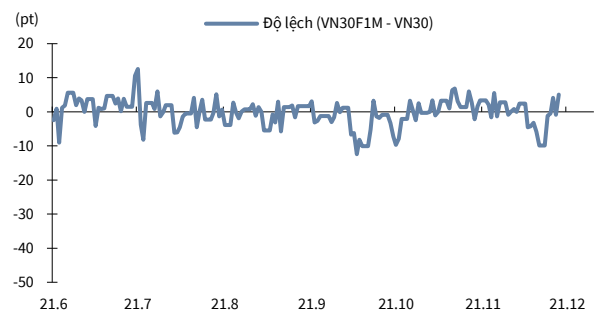
KLGD (HĐ) **151,676 (+9.4%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



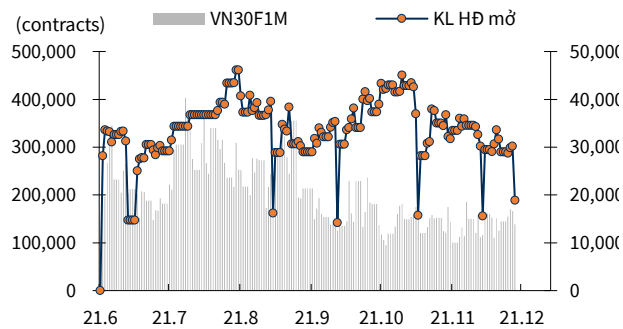
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



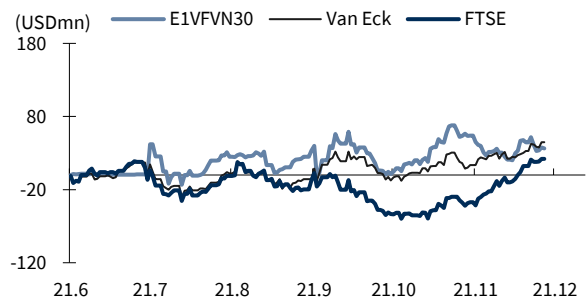
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

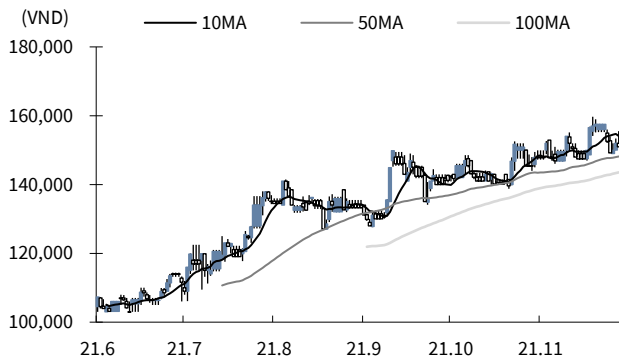
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

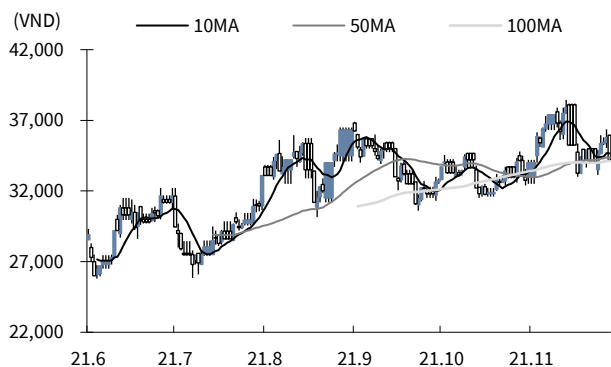
CTCP Tập đoàn Masan (MSN)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSN giảm 0.7% xuống 151,000 VND/cp
- Masan Group thông báo tăng cổ tức tiền mặt năm 2021 lên thành tỷ lệ 12%, cao hơn mức 10% thông qua cuối tháng 5. Ngày 16/7, tập đoàn đã tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 với tỷ lệ 9.5% và dự kiến cuối tháng 12 sẽ trả phần cổ tức còn lại là 250 đồng/cp.
- HĐQT Masan Group cũng đã thông qua việc xin ý kiến phát hành cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 5:1 cho các cổ đông hiện hữu, qua đó tổng khối lượng cổ phiếu lưu hành của Masan sẽ là hơn 1.4 tỷ đơn vị.

CTCP Cao su Đà Nẵng (DRC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DRC giảm 4.5% xuống 34,200 VND/cp
- Cao su Đà Nẵng thông qua trả tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt năm 2021 với tỷ lệ 5%, ngày chốt danh sách chi trả cổ tức là 20/12 và thời gian thanh toán dự kiến 14/1/2022. Theo đó, tổng số tiền dự chi đợt này là hơn 59 tỷ đồng.

Lạm phát

Duy trì ở mức thấp năm 2021, áp lực năm 2022

Lạm phát tháng 11 của năm 2021 tăng nhẹ

- Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số CPI tháng 11 tăng 0.32% so với tháng trước và tăng 2% so với tháng 12/2020. Chỉ số CPI bình quân 11 tháng hiện là 1.84% YoY – mức thấp nhất kể từ năm 2016, và thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4% mà Chính phủ đặt ra.
- Các yếu tố tác động chính tới CPI tháng 11 bao gồm: 1) Giá xăng tháng 11 tăng 8.12% MoM, dầu diesel tăng 7.3% MoM khiến giá nhóm giao thông tăng tiếp tục tăng 3.11% MoM. Giá nhóm giao thông hiện tăng ở mức 20.71% YoY – mức cao nhất trong năm nay; (2) Giá nguyên vật liệu đầu vào xây dựng tăng và giá điện, nước sinh hoạt tăng trở lại 1.94% MoM; (3) Giá thịt lợn giảm 5.62% MoM do các cơ sở chăn nuôi tăng cường bán ra để hạn chế thua lỗ khi giá thức ăn chăn nuôi liên tục tăng, giúp giá nhóm thực phẩm giảm 0.4% MoM.

Lạm phát tháng 12 của năm 2021 dự báo tăng 0.8% MoM, do đó cũng giảm dự báo lạm phát bình quân trong năm 2021 xuống còn 2% (từ mức 3% trong báo cáo trước đó)

- Cầu nền kinh tế hồi phục yếu, tổng mức bán lẻ 11 tháng giảm 14.1% YoY, một phần đến từ thói quen tiết kiệm để vượt khó của người Việt (biểu đồ 1).
- Cung tiền M2 tăng trưởng chậm lại và tốc độ vòng quay tiền đang giảm dần, cụ thể 9 tháng đầu năm 2021 cung tiền M2 tăng 6.3% YTD thấp hơn so với mức tăng trưởng cùng kỳ năm 2020 đạt 8.6% YTD (biểu đồ 2).
- Giá nhóm hàng hóa thiết yếu lương thực, thực phẩm, xăng dầu, nhà ở và vật liệu xây dựng không tăng mạnh như giai đoạn năm 2020, thậm chí giá thịt heo còn giảm và vẫn duy trì ở vùng giá thấp (biểu đồ 3).

Áp lực lạm phát hiện hữu trong năm 2022, dự báo CPI ở mức 3.8% cho cả năm 2022 trong kịch bản cơ sở

- Các gói hỗ trợ nền kinh tế của Việt Nam năm 2021 dù chưa đủ lớn để gây ra hiện tượng bùng nổ về sức cầu khiến lạm phát tăng mạnh như tại Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc (biểu đồ 4), tuy nhiên áp lực lạm phát là hiện hữu trong năm 2022, khi các gói hỗ trợ dần thấm thấu vào mọi lĩnh vực của nền kinh tế (theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính cả các khoản hỗ trợ qua các kênh quỹ bảo hiểm thất nghiệp, các khoản miễn, giảm cước viễn thông, điện, nước, học phí..., quy mô các gói hỗ trợ năm 2021 đạt khoảng 10.45 tỷ USD, tương đương 2.84% GDP). Ngoài ra, gói phục hồi và phát triển kinh tế sau dịch Covid-19 với quy mô 800,000 tỷ đồng (tương đương 35 tỷ USD), trong kịch bản được thông qua vào đầu năm tới, sẽ gây áp lực rất lớn đến lạm phát và nhiều khả năng sẽ đẩy CPI 2022 vượt mức mục tiêu 4% (chúng tôi sẽ cập nhật thêm khi có thêm các thông tin cụ thể về gói kích thích nền kinh tế)

- Rủi ro nhập khẩu lạm phát khi mà kinh tế Việt Nam có độ mở cao, chi phí sản xuất phụ thuộc nhiều vào nguyên vật liệu đầu vào nhập khẩu, trong bối cảnh lạm phát ở các nước đối tác thương mại lớn (Mỹ, EU, Hàn Quốc...) đều đang có xu hướng tăng mạnh.
- Nền kinh tế đã mở cửa trở lại từ tháng 9/2021 tuy nhiên lực lượng lao động quay trở lại thị trường vẫn ở mức thấp (biểu đồ 5), theo khảo sát ngày 12/10/2021 của Tổng cục Thống kê cho thấy trong số 22,764 doanh nghiệp có 17.8% doanh nghiệp bị thiếu lao động, cụ thể vùng Đông Nam Bộ có tỷ lệ doanh nghiệp thiếu lao động cao nhất (30.6%). Bình Dương (36.9%), Bình Phước (34.4%) và TP.HCM (31.8%). Chúng tôi cho rằng tình trạng khan hiếm, mất cân đối cung cầu lao động có thể khiến các doanh nghiệp phải tăng lương, tăng phúc lợi cho nhân viên, từ đó gia tăng áp lực lên lạm phát.
- Biến động giá hàng hóa, bao gồm giá thịt lợn và xăng dầu nghiêng nhiều về phía tăng với tốc độ chậm dần khi kinh tế toàn cầu phục hồi. Chúng tôi dự báo giá heo hơi có thể tăng lên khoảng 65,000-70,000 VND/kg trong dịp Tết Nguyên đán và Q1/2022 do việc chậm tái đàn thời gian qua ảnh hưởng đến giá heo, tuy nhiên khó có thể về mốc đỉnh năm 2020 nhờ việc Chính Phủ luôn ưu tiên tăng cường nguồn cung trong nước. Bên cạnh đó, chúng tôi kì vọng việc Chính Phủ các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản và Anh cùng phối hợp xả kho dầu dự trữ cùng lúc nhằm bình ổn giá nhiên liệu thế giới có thể kìm lại đà tăng mạnh của nhóm này, và duy trì neo giá ở mức cao.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong phiên trước khi giảm mạnh về cuối phiên với các nhịp giảm gổ đầu.
- Thanh khoản gia tăng trong phiên giảm sâu cho thấy rủi ro mở rộng nhịp điều chỉnh trong những phiên tới đang có phần lấn át. Mặc dù vậy, chỉ số đang dần lùi về điểm đỡ gần tại quanh 1410, tương ứng với MA50 nên có thể kỳ vọng việc xuất hiện một nhịp hồi phục kỹ thuật tại đây.
- NĐT được khuyến nghị có thể kê lệnh mua trở lại 1 phần vị thế trading khi VNIndex về lại vùng hỗ trợ đã đề cập nhưng ưu tiên cho các cổ phiếu sẵn có trong danh mục.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1533 - 1535

Kháng cự gần: 1518 - 1522

Hỗ trợ gần: 1489 - 1494

Hỗ trợ xa: 1478 - 1483

- F1 diễn biến giằng co trong phiên trước khi giảm điểm mạnh về cuối phiên với các nhịp giảm gối đầu.
- Thanh khoản tăng mạnh trong phiên giảm sâu cho thấy rủi ro mở rộng nhịp điểm chỉnh trong những phiên tới đang có phần lấn át. Mặc dù vậy, chỉ số đang dần lùi về điểm đỡ quan trọng tại quanh 147x, tương ứng với MA100 nên có thể kỳ vọng việc xuất hiện một nhịp hồi phục kỹ thuật tại đây.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục áp dụng chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở 1 phần trạng thái LONG tại vùng hỗ trợ xa nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

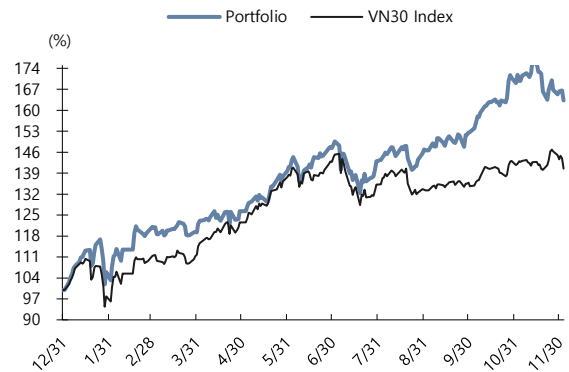
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luân duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-2.39%	-2.00%
Tăng lũy kế (YTD)	40.46%	63.24%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 03/12/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	133,500	-2.6%	77.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	56,800	-1.0%	159.5%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	94,000	-3.5%	27.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tân Uyên (NTC)	11/11/2021	188,000	-2.3%	0.3%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	67,500	-2.2%	102.9%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	95,500	-1.7%	233.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	33,000	-2.4%	78.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	96,600	-1.8%	34.1%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá đầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phát Group (HPG)	04/12/2019	47,700	-1.9%	235.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	51,100	-0.6%	275.2%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VIC	-1.6%	13.5%	52.3
VHM	-2.6%	23.1%	51.1
VND	-6.1%	17.9%	25.3
DXS	-3.0%	21.5%	20.6
CTG	-2.4%	25.3%	16.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DXG	-3.4%	28.3%	-77.8
VRE	-5.2%	29.7%	-94.9
NLG	-1.1%	33.9%	-40.0
GEX	-6.9%	8.4%	-29.5
NVL	-2.9%	8.1%	-39.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVI	-1.0%	56.6%	5.1
IDC	0.4%	0.1%	3.2
NRC	-4.7%	5.3%	0.6
PSD	0.0%	0.9%	0.5
ART	-6.5%	0.5%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HUT	-7.9%	1.5%	-8.7
BCC	-5.4%	1.8%	-2.6
SHS	-8.5%	8.5%	-2.4
TIG	9.9%	0.0%	-0.7
ACM	-2.9%	1.4%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	6.9%	DHG, TNH
Xây dựng và Vật Liệu	2.5%	VGC, ROS
Bất động sản	0.6%	VIC, KBC
Ô tô và phụ tùng	-1.0%	SVC, CTF
Hóa chất	-1.7%	VFG, HAI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-6.5%	VCB, VPB
Bảo hiểm	-5.9%	BVH, MIG
Dịch vụ tài chính	-5.5%	SSI, VND
Dầu khí	-5.5%	PLX, PVD
Du lịch và Giải trí	-5.3%	VJC, HVN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	18.0%	TCH, SVC
Xây dựng và Vật Liệu	11.4%	VGC, VCG
Dịch vụ tài chính	9.7%	SSI, VND
Y tế	8.7%	DHG, TNH
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.0%	GEX, STG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-13.7%	HPG, HSG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-11.7%	GAS, VSH
Bảo hiểm	-7.3%	BVH, MIG
Du lịch và Giải trí	-5.6%	VJC, HVN
Hóa chất	-3.1%	GVR, DPM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	308,325 (13.6)	22.5	132.5	149.9	14.7	3.4	3.0	4.2	4.2	-1.6	7.1	10.7	9.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	610,583 (26.9)	26.6	9.7	8.5	35.9	31.6	27.4	2.8	2.2	-2.6	-3.7	-3.3	16.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	263,828 (11.6)	17.8	33.9	23.1	-7.6	6.2	8.5	2.1	1.9	-5.2	-7.6	11.4	-10.5
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	354,452 (15.6)	31.3	39.1	25.2	6.7	19.2	13.7	4.5	3.9	-2.9	0.3	5.5	130.8
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	115,614 (5.1)	11.6	26.6	18.8	18.0	13.8	15.4	-	2.6	-0.5	-0.6	-2.4	72.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	410,372 (18.1)	13.9	16.4	11.9	-	15.3	17.9	2.6	2.1	-3.4	8.7	33.5	124.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	97,995 (4.3)	6.3	17.5	14.5	11.7	20.2	20.3	3.1	2.6	-1.1	-6.7	-0.7	0.1
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	125,280 (5.5)	12.7	18.4	13.9	-5.3	13.5	16.1	2.1	1.8	-5.0	-7.6	-2.4	-12.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	1,062,449 (46.8)	0.0	10.3	8.7	14.3	20.8	19.8	1.9	1.6	-2.9	-7.0	-6.5	59.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	441,831 (19.5)	1.4	12.1	8.8	61.1	16.3	19.6	1.6	1.4	-2.4	-3.8	0.0	23.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	596,366 (26.3)	0.0	12.6	10.7	18.8	17.9	16.0	1.8	1.6	-3.5	-8.9	-7.0	97.7
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	442,797 (19.5)	0.0	8.9	7.5	14.6	21.7	21.7	1.7	1.4	-2.7	-6.6	-2.9	67.6
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	242,726 (10.7)	4.2	10.8	9.7	23.3	21.1	19.4	2.1	1.7	-1.6	-1.1	14.0	63.2
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	690,899 (30.5)	14.0	17.0	12.8	26.5	10.5	12.1	1.5	1.4	-4.4	-9.2	0.4	65.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	182,286 (8.0)	0.0	11.6	9.5	37.5	21.2	20.2	2.2	1.7	-2.9	-1.1	6.3	75.4
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	23,775 (1.0)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-2.9	-6.3	4.0	40.3	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	87,417 (3.9)	21.0	23.2	19.5	15.8	9.1	10.1	2.0	1.8	-4.6	-7.1	-9.0	-12.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	39,369 (1.7)	14.2	22.0	19.0	9.1	10.9	12.6	2.1	1.9	-2.8	-1.5	0.0	72.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	1,238,985 (54.6)	55.4	-	-	-3.2	-	-	-	-	-6.5	-5.6	21.1	131.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	389,284 (17.2)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-6.3	-6.7	7.2	151.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	295,124 (13.0)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-6.7	-8.6	11.9	85.9
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	615,927 (27.2)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-6.0	-6.4	22.1	288.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	276,612 (12.2)	42.1	18.4	17.2	4.0	32.9	33.2	5.4	5.1	-1.8	-2.8	-2.7	-21.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	19,077 (0.8)	36.9	28.9	23.3	7.3	17.6	19.4	4.5	3.9	-1.3	-2.0	-9.0	-19.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	198,200 (8.7)	16.5	38.7	27.7	-51.9	31.6	23.1	8.1	6.3	-0.7	-4.1	3.8	69.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	98,531 (4.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-4.4	4.2	13.6	-40.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	110,210 (4.9)	11.0	-	33.7	-88.5	0.4	16.2	-	-	0.0	-7.0	-7.2	-3.7
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	186,340 (8.2)	10.8	30.7	20.9	-57.0	8.6	12.2	2.5	2.4	-1.7	-0.9	-3.2	50.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	252,594 (11.1)	38.4	114.2	16.1	65.7	1.3	8.3	-	-	-5.8	-2.4	20.0	26.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	176,743 (7.8)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	6.9	17.7	39.0	218.6
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	779,856 (34.4)	37.7	-	-	-13.2	12.3	11.9	-	-	-6.9	-3.2	54.4	148.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	61,326 (2.7)	3.6	40.5	19.6	-52.4	1.8	3.6	-	-	-1.2	4.1	7.7	-0.9
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	45,274 (2.0)	0.0	12.3	9.7	-4.5	13.6	14.4	1.5	1.3	-2.2	0.7	-6.6	37.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND triệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	155,246 (6.8)	46.1	19.7	15.4	-17.5	19.3	22.0	3.7	3.4	-1.8	-5.3	-	19.5	11.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	24,631 (1.1)	31.4	12.1	8.5	-10.5	11.3	15.2	1.4	1.9	-2.4	-2.7	-2.9	-10.8	
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	6,519 (0.3)	34.1	16.3	12.4	-5.1	8.9	11.6	1.4	1.4	-0.9	-1.3	-1.3	-7.6	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,452,670 (64.1)	18.0	5.6	6.5	21.9	42.8	29.9	2.2	1.7	-1.9	-2.8	-	14.2	55.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	301,516 (13.3)	36.5	8.1	12.0	-0.5	26.8	16.2	1.9	1.8	-3.9	-5.0	3.9	154.3	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	304,155 (13.4)	46.5	16.8	16.5	-4.5	20.3	18.3	2.9	2.6	-4.1	-1.6	14.9	167.9	
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	362,862 (16.0)	38.9	6.0	6.8	67.9	25.0	19.2	1.3	1.1	-4.8	-5.7	-	16.6	86.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	137,454 (6.1)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-3.7	0.0	1.2	29.1	
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	163,691 (7.2)	4.6	19.6	16.4	-51.0	15.6	17.2	2.9	2.8	-4.0	-6.2	0.6	-2.4	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	236,983 (10.4)	39.9	171.2	24.3	-11.9	0.3	3.9	0.8	0.8	-6.1	-1.1	-7.5	60.5	
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	107,325 (4.7)	35.9	11.1	8.9	1.2	14.3	16.7	1.5	1.3	-3.8	-3.1	-6.7	65.0	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	203,996 (9.0)	0.0	20.8	15.0	13.7	26.6	28.0	4.8	3.8	-2.6	-5.7	3.6	68.4	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	73,581 (3.2)	0.0	22.9	15.6	2.4	18.3	23.3	3.8	3.2	-3.5	-7.4	-	10.0	16.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	11,063 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.3	1.2	6.9	-62.9	
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	81,343 (3.6)	30.3	29.3	29.0	-75.2	13.4	12.6	3.8	3.4	-1.6	6.5	17.9	93.8	
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	84,895 (3.7)	34.6	24.7	10.0	41.2	13.4	30.4	2.8	2.5	-6.4	-3.4	7.6	8.4	
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,453 (0.2)	45.4	20.1	19.1	10.7	21.2	20.6	3.9	3.6	7.0	17.3	14.4	12.2	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	207 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	6.9	0.4	-2.3	4.8	
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	206,548 (9.1)	0.0	20.3	16.9	15.5	24.2	25.5	4.5	4.2	-1.7	-3.4	-0.6	85.8	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

